

đường lối đổi mới, tổng hợp các dự án đó, trình Hội đồng Bộ trưởng.

— Hướng dẫn các ngành, các địa phương xây dựng kế hoạch phân bổ lao động dân cư, xây dựng các vùng kinh tế mới hàng năm và 5 năm, xem xét, tổng hợp cùng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước trình Hội đồng Bộ trưởng.

2. Xây dựng các chính sách về phân bổ lao động dân cư và xây dựng vùng kinh tế mới trình Hội đồng Bộ trưởng.

3. Cùng với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước tổ chức xây dựng các dự án viện trợ và hợp tác quốc tế về phân bổ lao động dân cư và xây dựng vùng kinh tế mới trình Hội đồng Bộ trưởng.

4. Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả vốn ngân sách đầu tư cho các dự án xây dựng vùng dân cư — kinh tế mới.

— Quản lý về mặt kế hoạch và hướng dẫn sử dụng vốn phân bổ lao động dân cư và xây dựng kinh tế mới.

5. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các mô hình phân bổ lao động dân cư và xây dựng vùng kinh tế mới. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 2. — Bộ trưởng Bộ Lao động — Thương binh và xã hội chủ trì phối hợp với các Bộ, Ủy ban có liên quan đề thống nhất các vấn đề chung phục vụ nhiệm vụ phân bổ lao động dân cư xây dựng kinh tế mới, kiện toàn tổ chức phụ trách điều động lao động và dân cư với số biên chế gọn nhẹ, có hiệu lực để thực hiện nhiệm vụ được giao.

— Ở trung ương: Bộ Lao động — Thương binh và xã hội bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn Cục Điều động lao động.

— Ở địa phương: Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương củng cố tổ chức phụ trách phân bổ lao động, dân cư — kinh tế mới ở tỉnh, huyện, quận bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 3. — Quyết định này thay quyết định của Hội đồng Bộ trưởng số 100-HĐBT ngày 31 tháng 3 năm 1990 về quản lý công tác phân bổ lao động dân cư và xây dựng vùng kinh tế mới.

Điều 4. — Bộ trưởng Bộ Lao động — Thương binh và xã hội, Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Hội đồng Bộ trưởng có liên quan, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K. T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
ĐỒNG SĨ NGUYÊN

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 119 - HĐBT ngày 9-4-1990 về việc thành lập Tổng Công ty Du lịch Việt Nam.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Thực hiện quyết định số 244-NQ-HĐNN8 ngày 31 tháng 3 năm 1990 của Hội đồng Nhà nước giao Bộ Văn hóa — Thông tin — Thể thao và Du lịch quản lý Nhà nước đối với ngành du lịch,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Thành lập Tổng Công ty Du lịch Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại bộ máy của Tổng cục Du lịch cũ.

Tổng Công ty Du lịch Việt Nam là tổ chức sản xuất, kinh doanh hoạt động theo Điều lệ Liên hiệp xí nghiệp ban hành kèm theo nghị định số 27-HĐBT ngày 22-3-1990 của Hội đồng Bộ trưởng, có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu và tài khoản riêng tại Ngân hàng, kê cả tài khoản ngoại tệ. Trụ sở của Tổng

Công ty Du lịch Việt Nam đóng tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. — Tổng Công ty Du lịch Việt Nam chịu sự quản lý Nhà nước trực tiếp của Bộ Văn hóa — Thông tin — Thể thao và Du lịch và chịu sự quản lý Nhà nước của các Bộ, Ủy ban Nhà nước khác về những vấn đề có liên quan theo quy định của luật pháp hiện hành.

Điều 3. — Bộ trưởng Bộ Văn hóa — Thông tin — Thể thao và Du lịch quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và bộ máy của Tổng Công ty Du lịch Việt Nam.

Điều 4. — Bộ trưởng Bộ Văn hóa — Thông tin — Thể thao và Du lịch, Thủ trưởng các Bộ, Ủy ban Nhà nước có liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K. T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 130-HĐBT ngày 30-4-1990 quy định chức năng, nhiệm vụ và bộ máy của Bộ Công nghiệp nặng.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ quyết định số 244-NQ/HĐNN8 ngày 31 tháng 3 năm 1990 của Hội đồng Nhà nước về việc thành lập, đổi tên một số Bộ, Ủy ban Nhà nước và phê chuẩn việc giải thể một số Tổng cục,

NGHỊ ĐỊNH :

Điều 1. — Bộ Công nghiệp nặng là cơ quan của Hội đồng Bộ trưởng có chức năng quản lý Nhà nước đối với các ngành: Cơ khí luyện kim, Điện tử, Mỏ, địa chất, Dầu khí và hóa chất.

Phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công nghiệp nặng đối với các ngành nói trên là thống nhất trên toàn quốc bao gồm hoạt động theo ngành (do Bộ Quản lý) của mọi cơ quan, tổ chức thuộc các thành phần kinh tế, của công dân và hoạt động của tổ chức và người nước ngoài tại Việt Nam.

Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Bộ đối với các ngành do Bộ quản lý thực hiện theo quy định trong nghị định số 196-HĐBT ngày 11-12-1989 của Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 2. — Cơ cấu tổ chức của Bộ Công nghiệp nặng gồm có:

a) Bộ máy giúp Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước.

- Văn phòng
- Vụ Kế hoạch
- Vụ Tài chính — kế toán
- Vụ Khoa học — kỹ thuật
- Vụ Tổ chức, nhân sự, đào tạo
- Vụ Hợp tác quốc tế
- Vụ Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản

— Thanh tra công nghiệp nặng.

Chuyên Cục Quản lý tài nguyên, khoáng sản Nhà nước trực đặt trực thuộc Tổng cục Mỏ — Địa chất nay trực thuộc Bộ Công nghiệp nặng.

b) Thành lập Cục Địa chất Việt Nam trực thuộc Bộ Công nghiệp nặng. Cục Địa chất là đơn vị sự nghiệp kinh tế — khoa học kỹ thuật đảm nhiệm các công tác nghiên cứu và điều tra cơ bản về địa chất và tài nguyên khoáng sản theo kế hoạch Nhà nước.

Các đơn vị sự nghiệp khác do Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng nghiên cứu sắp xếp lại trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

Điều 3. — Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với Nghị định này.

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng có trách nhiệm dự thảo Điều lệ quy định cụ